

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/TB-CĐYTBM

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc gặp mặt và tổ chức học lại đối với sinh viên năm Ba

Để đảm bảo tiến độ tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp cho sinh viên Điều dưỡng K11 và Kỹ thuật Y học K10 vào tháng 6 năm 2026

Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai thông báo gặp mặt và tổ chức học lại đối với các sinh viên năm thứ Ba cụ thể như sau:

1. Thời gian, địa điểm

- Thời gian: Thời gian: 16 giờ 30, thứ Hai, ngày 30/3/2026
- Địa điểm: Hội trường lớn, tầng 6, Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai

2. Thành phần tham dự

- Chủ trì: Lãnh đạo phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học
- Thành viên: Phụ trách các khối năm 1; 2; 3; Giáo viên chủ nhiệm lớp năm 3; sinh viên năm 3 học lại (theo phụ lục 1).

3. Kế hoạch tổ chức học lại theo kế hoạch học lại (đính kèm)

4. Nội dung

- Gặp mặt các sinh viên năm 3 chưa hoàn thành môn học/mô đun để phổ biến kế hoạch học lại trong năm học 2025-2026

5. Yêu cầu

- Tất cả sinh viên các lớp có trách nhiệm rà soát, kiểm tra tính chính xác về danh sách học lại. Trong trường hợp nếu có sai sót/thiếu tên trong danh sách, đề nghị sinh viên phản hồi cho phụ trách khối trước 11 giờ, ngày 30/3/2026.
- Sinh viên viết đơn xin học lại và hoàn thành thủ tục nộp lệ phí học lại chậm nhất trước 16h30 ngày 31 tháng 3 năm 2026. Sau thời gian trên nếu sinh viên không nộp đơn và lệ phí học lại theo quy định coi như không có nhu cầu. Nhà trường sẽ không tổ chức học lại tiếp đối với các sinh viên không có nhu cầu trong năm học 2025- 2026. Sinh viên chịu trách nhiệm nếu không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp.
- Đề nghị tất cả các sinh viên trong danh sách học lại không vắng mặt.

6. Thông tin liên hệ:

- Phụ trách khối Điều dưỡng K11: ThS. Trần Thị Vân, điện thoại: 0969920399.
- Phụ trách khối KTXNYH K10: CN. Nguyễn Thị Hằng, điện thoại: 0705360194.
- Phụ trách khối KT VLTL-PHCN K10: CN. Lê Khắc Phương, điện thoại: 0986296555.
- Phụ trách khối KT HAYH K10: CN. Vũ Gia Quyền, điện thoại: 0961664228.

- Thu lệ phí học lại: Sinh viên đăng nhập cổng sinh viên để hoàn thiện sau đó xin xác nhận đã nộp tiền tại Văn phòng trường, Phòng 104, nhà D3, Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai.

7. Tổ chức thực hiện

- Phòng QLĐT&NCKH phối hợp với các Khoa lên kế hoạch học lại đảm bảo đúng tiến độ.
- Các Khoa phân công giảng viên giảng dạy theo đúng kế hoạch.
- Giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở sinh viên thuộc diện học lại thực hiện nghiêm túc dung của thông báo này.
- Tất cả sinh viên khối năm ba có trách nhiệm tự rà soát, kiểm tra tính chính xác danh sách học lại. Nghiêm túc đăng ký và tham gia học lại đúng thời gian quy định của Phòng QLĐT&NCKH. Đối với sinh viên phải thi lại/học lại môn học/mô đun thực tập bệnh viện, sinh viên chủ động liên hệ với GVLS để học bù/thi lại theo quy định.

Đề nghị các Phòng/Khoa; Giáo viên chủ nhiệm và sinh viên các lớp nghiêm túc thực hiện nội dung của thông báo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Phòng/Khoa;
- Sinh viên các lớp;
- Lưu VPT, QLĐT&NCKH



Đào Xuân Cơ

Phụ lục 01

DANH SÁCH SINH VIÊN PHẢI HỌC LẠI MÔN HỌC/MÔ ĐUN LÝ THUYẾT

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
1.	23Q301110108	Đặng Mạnh Cường	20/03/2005	ĐD11.01	Mô đun 12	3	1	
2.	23Q301110110	Lương Nguyễn Tiến Đạt	22/02/2005	ĐD11.01	Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 13	3	1	
3.	23Q301110113	Nguyễn Chu Anh Hà	29/04/2004	ĐD11.01	Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
4.	23Q604100227	Nguyễn Cẩm Vân	19/02/2004	ĐD11.01	Mô đun 12	3	1	
5.	21Q30191701	Hoàng Thị Lan Anh	04/03/2003	ĐD11.01	Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
6.	23Q301110217	Nguyễn Nhật Khánh	10/12/2005	ĐD11.02	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 21	2	1	
7.	23Q301110210	Trần Thị Thu Hà	13/09/2005	ĐD11.02	Mô đun 12	3	1	
8.	22Q30110546	Trần Thị Kim Oanh	12/04/2004	ĐD11.02	Mô đun 1	4	2	
9.	23Q301110330	Hoàng Thu Phương	23/08/2005	ĐD11.03	Mô đun 1	4	2	
10.	23Q301110312	Nguyễn Thị Hậu	08/10/2005	ĐD11.03	Mô đun 12	3	1	
11.	23Q301110311	Trần Thu Hà	24/12/2005	ĐD11.03	Mô đun 12	3	1	
12.	23Q301110305	Vũ Thùy Anh	23/04/2005	ĐD11.03	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 13	3	1	
13.	23Q301110404	Đặng Thị Ngọc Ánh	21/08/2005	ĐD11.04	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
14.	23Q301110425	Đỗ Thị Thanh Phương	10/12/2005	ĐD11.04	Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 7	5	2	
15.	23Q301110432	Nguyễn Thu Thủy	07/04/2005	ĐD11.04	Mô đun 6	5	2	
16.	23Q301110523	Đào Quang Minh	29/09/2005	ĐD11.05	Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
17.	23Q301110501	Đậu Thị Lan Anh	31/05/2005	ĐD11.05	Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 8	2	2	
					Mô đun 12	3	1	
18.	23Q301110609	Đào Ngọc Diệp	24/06/2005	ĐD11.06	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 12	3	1	
19.	23Q301110621	Đào Phương Linh	11/09/2005	ĐD11.06	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 7	5	2	
20.	23Q301110602	Đinh Hoài Anh	09/09/2005	ĐD11.06	Mô đun 1	4	2	
21.	23Q301110618	Dương Bích Hoàng	10/01/2005	ĐD11.06	Mô đun 1	4	2	
22.	23Q301110639	Phạm Huyền Trang	30/03/2005	ĐD11.06	Mô đun 12	3	1	
23.	23Q301110735	Nguyễn Hương Trà	15/03/2005	ĐD11.07	Mô đun 12	3	1	
24.	23Q301110705	Nguyễn Minh Ánh	27/08/2005	ĐD11.07	Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 13	3	1	
					Tiếng anh	5	3	
25.	23Q301110712	Nguyễn Thị Minh Hằng	11/10/2005	ĐD11.07	Mô đun 16	3	1	
26.	23Q301110724	Vũ Thành Nam	18/11/2005	ĐD11.07	Mô đun 21	2	1	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
27.	23Q301110829	Đào Thanh Tâm	19/02/2005	ĐD11.08	Mô đun 12	3	1	
28.	23Q301110835	Nguyễn Mai Trang	11/11/2005	ĐD11.08	Mô đun 1	4	2	
29.	23Q301110801	Nguyễn Thị Ngọc An	20/09/2004	ĐD11.08	Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 13	3	1	
					Mô đun 16	3	1	
30.	23Q301110819	Phạm Phương Linh	18/01/2005	ĐD11.08	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	
31.	23Q301110813	Trần Đức Hiếu	19/12/2005	ĐD11.08	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 21	2	1	
32.	23Q301110910	Đỗ Đình Dưỡng	22/01/2004	ĐD11.09	Tiếng anh	5	3	
					Mô đun 7	5	2	
33.	23Q301110908	Đỗ Tiên Đạt	31/03/2005	ĐD11.09	Tiếng anh	5	3	
34.	23Q301110919	Nguyễn Trần Tuấn Kiệt	24/04/2005	ĐD11.09	Mô đun 12	3	1	
35.	23Q301110926	Phạm Tuấn Nhật	28/07/2005	ĐD11.09	Mô đun 21	2	1	
					Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 13	3	1	
					Mô đun 21	2	1	
36.	22Q30110740	Hoàng Kim Ngân	09/02/2004	ĐD11.09	Mô đun 21	2	1	
					Mô đun 16	3	1	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
37.	23Q301111002	Hoàng Ngọc Anh	12/11/2005	ĐD11.10	Mô đun 12	3	1	
38.	23Q301111027	Lê Nguyễn Cao Phi	12/10/2004	ĐD11.10	Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 13	3	1	
39.	23Q301111003	Nguyễn Phương Anh	15/08/2005	ĐD11.10	Mô đun 12	3	1	
40.	23Q301111021	Phan Ngọc Linh	12/10/2005	ĐD11.10	Mô đun 2	4	2	
41.	23Q301111031	Tạ Thị Minh Tâm	09/06/2005	ĐD11.10	Mô đun 12	3	1	
42.	23Q301111004	Trần Minh Anh	23/04/2005	ĐD11.10	Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
43.	23Q301111016	Trịnh Dương Nhật Huy	09/11/2004	ĐD11.10	Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 8	2	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 13	3	1	
					Mô đun 16	3	1	
					Mô đun 21	2	1	
44.	23Q301111111	Lại Thị Hoài Linh	30/12/2005	ĐD11.11	Tiếng anh	5	3	
45.	23Q301111101	Lâm Thị Quỳnh Anh	09/06/2005	ĐD11.11	Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 13	3	1	
46.	23Q301111102	Lê Hải Anh	12/04/2005	ĐD11.11	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
					Tiếng anh	5	3	
47.	23Q301111139	Nguyễn Minh Vũ	08/04/2005	ĐD11.11	Mô đun 3	3	2	
48.	23Q301111105	Nguyễn Quỳnh Hoa	01/10/2005	ĐD11.11	Mô đun 12	3	1	
49.	23Q301111116	Trần Ngọc Linh	07/11/2005	ĐD11.11	Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 3	3	2	
					Mô đun 8	2	2	
					Mô đun 12	3	1	
50.	23Q301111138	Trần Văn Việt	02/09/2005	ĐD11.11	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 12	3	1	
51.	23Q301111237	Diệp Minh Tuyền	11/01/2005	ĐD11.12	Mô đun 12	3	1	
52.	23Q301111228	Đỗ Như Quỳnh	10/06/2005	ĐD11.12	Mô đun 12	3	1	
53.	23Q301111223	Ngô Phương Nhi	27/01/2005	ĐD11.12	Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
54.	23Q301111210	Nguyễn Hồng Hạnh	25/09/2005	ĐD11.12	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 13	3	1	
55.	23Q301111232	Nguyễn Minh Tiến	17/09/2005	ĐD11.12	Mô đun 7	5	2	
56.	23Q301111212	Nguyễn Thanh Huyền	11/09/2005	ĐD11.12	Mô đun 1	4	2	
57.	23Q301111205	Triệu Phương Anh	11/12/2005	ĐD11.12	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 13	3	1	
					Tiếng anh	5	3	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
58.	23Q301111211	Trương Mỹ Hoa	27/07/2005	ĐD11.12	Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 13	3	1	
59.	23Q301111309	Bùi Trúc Diệp	17/12/2005	ĐD11.13	Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
60.	23Q301111313	Chu Thanh Huyền	07/05/2005	ĐD11.13	Mô đun 12	3	1	
61.	23Q301111317	Lường Khánh Linh	21/01/2005	ĐD11.13	Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 21	2	1	
62.	23Q301111311	Nguyễn Quỳnh Hương	30/03/2005	ĐD11.13	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 4	4	2	
					Mô đun 6	5	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Mô đun 21	2	1	
63.	23Q301111332	Phạm Thị Minh Thư	23/07/2005	ĐD11.13	Mô đun 13	3	1	
64.	23Q301111307	Trần Hà Anh	21/01/2005	ĐD11.13	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 3	3	2	
					Mô đun 7	5	2	
					Mô đun 12	3	1	
					Tiếng anh	5	3	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
65.	23Q301111321	Vũ Khánh Ly	14/08/2005	ĐD11.13	Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 3	3	2	
					Mô đun 7	5	2	
66.	23Q301111426	Đinh Thanh Phương	12/09/2005	ĐD11.14	Mô đun 1	4	2	
67.	23Q301111401	Giang Quỳnh Anh	30/11/2005	ĐD11.14	Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 12	3	1	
68.	23Q301111409	Hoàng Thùy Dương	25/09/2005	ĐD11.14	Mô đun 12	3	1	
69.	23Q301111416	Nguyễn Trường Huy	25/11/2005	ĐD11.14	Mô đun 1	4	2	
70.	23Q301111425	Phùng Thị Nụ	17/01/2005	ĐD11.14	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 21	2	1	
71.	23Q301111412	Trần Thu Hà	16/03/2005	ĐD11.14	Mô đun 2	4	2	
					Mô đun 12	3	1	
72.	23Q301111407	Vũ Thị Minh Châu	30/11/2005	ĐD11.14	Mô đun 2	4	2	
73.	23Q602100106	Nguyễn Thành Công	01/09/2005	ĐD11.14	Mô đun 1	4	2	
					Mô đun 6	5	2	
74.	23Q602100111	Lại Thị Thu Hoài	21/01/2005	XN K10	Chính trị	5	Lần 1	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Hóa sinh 1			
75.	23Q602100225	Nguyễn Thị Hải Yến	06/07/2005	XN K10	Tiếng Anh	5	Lần 4	
					Hóa học-Lý sinh- Sinh học di truyền	3	Lần 5	
					Được lý – sinh lý bệnh	3	Lần 4	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
76.	23Q602100109	Phạm Thị Giang	30/01/2005	XN K10	Hóa học-Lý sinh- Sinh học di truyền	3	Lần 5	
					Được lý – sinh lý bệnh	3	Lần 4	
					Bệnh học nội nhi	3	Lần 2	
					Bệnh học ngoại sân	2	Lần 4	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Hoá sinh 1			
77.	23Q602100219	Lê Thiên Kim Phúc	23/11/2005	XN K10	Hóa học-Lý sinh- Sinh học di truyền	3	Lần 5	
					Hoá sinh 1			
78.	23Q602100119	Phạm Hồng Nhung	15/11/2005	XN K10	Được lý – sinh lý bệnh	3	Lần 4	
					Bệnh học nội nhi	3	Lần 2	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Hoá sinh 1			
79.	23Q602100120	Nguyễn Hà Phương	16/02/2005	XN K10	Điều dưỡng cơ bản -CCBD	2	Lần 1	
					Hoá sinh 1			

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
80.	23Q602100114	Phạm Thị Khánh Linh	17/10/2005	XN K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
81.	23Q602100122	Phạm Thu Trang	27/07/2005	XN K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Hoá sinh 1			
82.	23Q602100125	Trần Thị Thảo Vy	22/12/2005	XN K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
83.	23Q602100223	Hoàng Mạnh Tuấn	04/02/2005	XN K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Huyết học 2	2	Lần 1	
84.	23Q602100108	Bùi Trường Giang	24/09/2005	XN K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
85.	23Q602100123	Nguyễn Đặng Tú	05/07/2005	XN K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
86.	23Q602100118	Lê Đăng Nguyên	19/09/2005	XN K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
87.	23Q602100204	Nguyễn Thị Huệ Chi	25/05/2004	XN K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
88.	23Q602100104	Chu Thị Phương Chi	26/05/2005	XN K10	Hoá sinh 1			
89.	23Q602100212	Nguyễn Lệ Khuyên	29/09/2005	XN K10	Hoá sinh 1			
90.	23Q604100102	Nguyễn David Hoàng Anh	23/05/2005	PHCN K10.02	Chính trị	5	Lần 1	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					GPCN hệ Thàn kinh và vận động	2	Lần 2	
91.	23Q604100206	Vũ Đức Cương	08/06/2003		Tin học	3	Lần 1	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
				PHCN K10.02	Điều dưỡng cơ bản	2	Lần 2	Lần 1 SV không đăng ký
					Quản lý khoa PHCN	1	Lần 1	
					Hoá học-lý sinh-SHPT	3	Lần 5	
92.	23Q604100212	Nguyễn Đức Hoàng	17/12/2005	PHCN K10.02	Tiếng anh	5	Lần 4	Đã học lại lần 3 nhưng sv không đăng ký
93.	23Q604100114	Nguyễn Duy Hưng	23/02/2005	PHCN K10.01	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
94.	23Q604100119	Nguyễn Công Long	17/07/2000	PHCN K10.01	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
95.	23Q604100126	Phạm Văn Thuyền	04/05/1995	PHCN K10.01	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Ngôn ngữ trị liệu	2	Lần 1	
					GPCN hệ Thần kinh và vận động	2	Lần 2	
					Hoá sinh	2	Lần 2	
96.	23Q604100128	Tiền Thế Việt	08/10/2005	PHCN K10.01	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
97.	23Q604100208	Bùi Bạch Dương	10/04/2005	PHCN K10.02	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
98.	23Q604100210	Nguyễn Thị Thanh Hiền	11/06/2003	PHCN K10.02	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
99.	23Q604100213	Nguyễn Anh Hưng	23/11/2005	PHCN K10.02	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
100.	23Q604100216	Lê Thu Huyền	16/08/2005	PHCN K10.02	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
101.	23Q604100218	Cung Thảo Linh	28/01/2005	PHCN K10.02	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
102.	23Q604100223	Nguyễn Phương Thảo	15/03/2005	PHCN K10.02	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Hoá sinh	2	Lần 2	
103.	23Q604100224	Lê Xuân Thịnh	16/04/2000	K10.02	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
104.	23Q604100120	Hoàng Công Mạnh	23/04/2005	PHCN K10.01	Lượng giá chức năng	3	Lần 2	Lần 1 SV không đăng ký
					GPCN hệ Thần kinh và vận động	2	Lần 2	
					Bệnh học ngoại sân	2	Lần 4	
					Dược lý – sinh lý bệnh	3	Lần 4	
105.	23Q604100115	Đoàn Thị Thu Hường	22/04/2005	PHCN K10.01	Quản lý khoa PHCN	1	Lần 1	
106.	23Q604100201	Lê Tùng Anh	21/02/2005	PHCN K10.02	Hoá học – lý sinh -SHDT	3	Lần 5	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
					Bệnh học ngoại sản	2	Lần 4	
					Dược lý – sinh lý bệnh	3	Lần 4	
107.	23Q604100103	Nguyễn lê Tuấn Anh	21/07/2005	PHCN K10.02	Dược lý – sinh lý bệnh	3	Lần 4	
108.	23Q601100139	Nguyễn Hoàng Phạm Tuyền	19/06/2005	HAYH K10	Chính trị	5	Lần 1	
					Vì sinh vật -kỷ sinh trùng	2	Lần 3	
					Hoá học – lý sinh -SHDT	3	Lần 5	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
109.	23Q601100140	Dương Uyển Vi	04/11/2004	HAYH K10	Tiếng anh	5	Lần 4	
					Vì sinh vật -kỷ sinh trùng	2	Lần 3	
					Hoá học – lý sinh -SHDT	3	Lần 5	
110.	23Q601100104	Phùng Tú Anh	22/06/2002	HAYH K10	Tiếng anh	5	Lần 4	
					Hoá học – lý sinh -SHDT	3	Lần 5	
					Dược lý- sinh lý bệnh	3	Lần 4	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Điện kỹ thuật và bảo dưỡng máy	2	Lần 1	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
111.	23Q601100121	Trần Nam Khánh	10/10/2005	HAYH K10	Giải phẫu và sinh lý	5	Lần 3	
					Vì sinh vật -kỹ sinh trùng	2	Lần 3	
					Hoá học – lý sinh -SHDT	3	Lần 5	
					Bệnh học ngoại sản	2	Lần 4	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Kỹ thuật Siêu âm	2	Lần 1	
112.	23Q601100126	Hoàng Lê Quân	28/12/2004	HAYH K10	Hoá học – lý sinh -SHDT	3	Lần 5	
					Hoá sinh	2	Lần 2	
					Dược lý- sinh lý bệnh	3	Lần 4	
					Bệnh học ngoại sản	2	Lần 4	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
113.	23Q601100130	Lương Quyết Thắng	23/12/2005	HAYH K10	Hoá học – lý sinh -SHDT	3	Lần 5	
					Dược lý- sinh lý bệnh	3	Lần 4	
					Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Kỹ thuật Siêu âm	2	Lần 1	

STT	Mã HSSV	Họ và	Ngày sinh	Lớp	Môn học/mô đun	Số tín chỉ	Số lần đã tổ chức học lại	Ghi chú
114.	23Q601100115	Đặng Quang Hùng	20/03/2005	HAYH K10	Dược lý- sinh lý bệnh	3	Lần 4	
					Điện kỹ thuật và bảo dưỡng máy	2	Lần 1	
115.	21Q60180834	Nguyễn Tuấn Phong	17/12/2003	HAYH K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
116.	23Q601100122	Tạ Quang Lâm	07/01/2005	HAYH K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
117.	23Q601100120	Trần Quốc Huy	14/08/2005	HAYH K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Kỹ thuật Siêu âm	2	Lần 1	
118.	23Q601100132	Lê Văn Thịnh	03/05/2005	HAYH K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
					Kỹ thuật chụp X quang 1	3	Lần 2	
119.	23Q601100117	Nguyễn Mạnh Hùng	20/05/2005	HAYH K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
120.	23Q601100129	Hoàng Kim Thắng	09/10/2002	HAYH K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
121.	23Q601100124	Nguyễn Bá Anh Quân	30/12/2005	HAYH K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	
122.	23Q601100128	Nguyễn Thanh Nghị	10/04/2005	HAYH K10	Tổ chức Y tế và NCKH	3	Lần 1	